

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5-31
Bảng cân đối kế toán	5-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9-10
Dựa thuyết minh Báo cáo tài chính	11-28
Phụ lục 1 - Các chỉ vật tư, hàng hoá gửi Bộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	29-31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính từ ngày 02 tháng 02 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016
đã được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 02 tháng 02 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Quản lý đường sắt Sài Gòn là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, tiền thân là Xí nghiệp Quản lý đường sắt Sài Gòn trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 871/998/QĐ/TCCB-TLĐ ngày 17/4/1998 của Bộ giao thông vận tải. Theo quyết định số 1202/2010/QĐ-ĐS ngày 24/9/2010 của hội đồng thành viên Đường sắt Việt Nam chuyển Công ty Quản lý Đường sắt Sài Gòn thành Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Sài Gòn. Hoạt động của Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0301072382 ngày 20 tháng 10 năm 2010. Từ ngày 02 tháng 02 năm 2016 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301072382, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 02 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Xây dựng các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thủy lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; công trình đường dây truyền tải điện và trạm biến áp;
- San lấp mặt bằng;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Chủ tịch
Ông Trần Hữu Chiến	Ủy viên
Ông Lê Hồng Phúc	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Hữu Chiến	Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Đăng	Phó Giám đốc
Ông Lê Hồng Phúc	Phó Giám đốc
Ông Trần Hữu Phương	Phó Giám đốc
Ông Lê Nghĩa Trung	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính..

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2017

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Trần Hữu Chiến



Số: 39./2017/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn, được lập ngày 23 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	02/02/2016
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.714.273.107	80.356.945.471
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	35.794.339.372	41.386.317.800
1.	Tiền	111		24.803.371.188	30.395.349.616
2.	Các khoản tương đương tiền	112		10.990.968.184	10.990.968.184
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.111.404.112	18.424.053.341
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	17.914.770.546	13.224.709.008
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		527.855.819	1.121.579.403
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	6.668.777.747	4.077.764.930
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		13.808.529.623	20.107.624.053
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	13.808.529.623	20.107.624.053
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	438.950.277
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.09	-	438.950.277
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	02/02/2016
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.403.118.575	11.148.580.043
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	616.113.468
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	-	616.113.468
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		5.960.215.721	6.443.218.209
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	5.960.215.721	6.443.218.209
	- Nguyên giá	222		20.311.800.044	19.013.981.862
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.351.584.323)	(12.570.763.653)
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	964.667.950	156.137.341
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		964.667.950	156.137.341
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.478.234.904	3.933.111.025
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	3.478.234.904	3.933.111.025
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		85.117.391.682	91.505.525.514

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	02/02/2016
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		62.544.668.381	71.075.255.263
I.	Nợ ngắn hạn	310		62.458.368.381	71.075.255.263
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	33.876.193.402	28.903.153.003
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.224.294.901	3.153.937.901
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	4.181.866.090	380.635.379
4.	Phải trả người lao động	314		10.690.770.811	13.246.517.046
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	8.742.893.072	22.118.421.829
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.742.350.105	3.272.590.105
II.	Nợ dài hạn	330		86.300.000	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.10	86.300.000	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.572.723.301	20.430.270.251
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.11	22.572.723.301	20.430.270.251
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.450.000.000	9.862.667.056
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.450.000.000	9.862.667.056
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	9.073.153.904
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.494.449.291
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.122.723.301	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.122.723.301	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		85.117.391.682	91.505.525.514

Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Văn Lân

Lê Nghĩa Trung

Trần Hữu Chiến



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 02 tháng 02 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	120.041.944.269	121.147.824.605
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		120.041.944.269	121.147.824.605
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	96.540.265.087	95.616.598.494
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.501.679.182	25.531.226.111
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	740.720.115	760.991.832
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	21.292.603.203	21.324.122.070
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.949.796.094	4.968.095.873
11.	Thu nhập khác	31		29.939.700	-
12.	Chi phí khác	32	VI.04	281.236.511	1.986.490.909
13.	Lợi nhuận khác	40		(251.296.811)	(1.986.490.909)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.698.499.283	2.981.604.964
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	575.775.982	650.991.444
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.122.723.301	2.330.613.520
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	1.038	Không áp dụng
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.08	1.038	Không áp dụng

Tp Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Văn Lân

Lê Nghĩa Trung

Trần Hữu Chiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 02 tháng 02 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		128.340.888.437	142.330.843.729
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(40.696.484.130)	(46.032.684.102)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(51.695.771.821)	(70.383.514.661)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(808.942.630)	(1.544.378.765)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.180.125.352	9.599.206.787
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(39.973.434.328)	(22.797.249.126)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.653.619.120)	11.172.223.862
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.106.348.791)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	200.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		167.989.483	754.503.043
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.938.359.308)	954.503.043

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1.480.375.690)
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(1.480.375.690)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(5.591.978.428)	10.646.351.215
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		41.386.317.800	30.739.966.585
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		35.794.339.372	41.386.317.800

Người lập biểu



Trần Văn Lâm

TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2017

Kế toán trưởng



Lê Nghĩa Trung

Giám đốc



Trần Hữu Chiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Xây dựng các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thủy lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; công trình đường dây truyền tải điện và trạm biến áp;
- San lấp mặt bằng;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng năm tài chính từ ngày 02 tháng 02 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 10 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Giá trị lợi thế kinh doanh được thực hiện phân bổ theo quy định tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC về hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước. Công ty đang phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh trong 10 năm.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản nhằm mục đích cổ phần hóa.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

09. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2016</u>	<u>02/02/2016</u>
- Tiền mặt	23.213.810	24.489.905
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.780.157.378	30.370.859.711
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.990.968.184	10.990.968.184
Cộng	<u>35.794.339.372</u>	<u>41.386.317.800</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.990.968.184 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

02. Phải thu của khách hàng

	<u>31/12/2016</u>	<u>02/02/2016</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>17.914.770.546</u>	<u>13.224.709.008</u>
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	12.678.431.083	7.698.561.025
- Tổng Công ty xây dựng số 1	-	1.032.832.268
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	5.236.339.463	4.493.315.715
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>17.914.770.546</u>	<u>13.224.709.008</u>

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<u>31/12/2016</u>	<u>02/02/2016</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>13.727.962.804</u>	<u>8.213.993.200</u>
- Tổng công ty đường sắt Việt Nam	12.678.431.083	8.144.776.479
- Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	980.315.000	-
- Công ty CP Đầu tư & xây dựng công trình 3	69.216.721	69.216.721
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>13.727.962.804</u>	<u>8.213.993.200</u>

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu khác

	31/12/2016		02/02/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngân hạn	6.668.777.747	-	4.077.764.930	-
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-	1.869.835.703	-
- Tạm ứng	1.052.125.264	-	1.480.872.840	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.478.857.925	-	-	-
- Phải thu khác	1.137.794.558	-	727.056.387	-
+ Cho mượn vật tư	133.797.081	-	131.447.081	-
+ Lãi dự thu	557.474.772	-	11.225.995	-
+ Bồi thường tài nạn chậm trả	236.923.264	-	-	-
+ Chi trợ cấp thôi việc	28.665.000	-	28.665.000	-
+ Phải thu công nhân viên tiền mua cổ phần	180.934.441	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	-	-	555.718.311	-
b. Dài hạn	-	-	616.113.468	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	616.113.468	-
Cộng	6.668.777.747	-	4.693.878.398	-

04. Hàng tồn kho

	31/12/2016		02/02/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	7.749.478.347	-	14.344.157.310	-
- Công cụ, dụng cụ	152.237.645	-	154.609.425	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.906.813.631	-	5.608.857.318	-
Cộng	13.808.529.623	-	20.107.624.053	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư tại ngày 02/02/2016		10.455.254.740	2.757.488.635	5.293.010.625	508.227.862	19.013.981.862
- Mua trong kỳ		-	1.248.000.000	-	49.818.182	1.297.818.182
- Phân loại lại		(3.861.974)	29.161.974	148.416.588	(173.716.588)	-
- Tăng khác		-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016		10.451.392.766	4.034.650.609	5.441.427.213	384.329.456	20.311.800.044
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 02/02/2016		6.863.995.767	1.632.009.887	3.678.521.663	396.236.336	12.570.763.653
- Khấu hao trong kỳ		852.761.873	397.557.577	484.526.853	45.974.367	1.780.820.670
- Tăng khác		-	-	-	-	-
- Phân loại lại tài sản		2.377.395	3.745.791	148.416.587	(154.539.773)	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016		7.719.135.035	2.033.313.255	4.311.465.103	287.670.930	14.351.584.323
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày 02/02/2016		3.591.258.973	1.125.478.748	1.614.488.962	111.991.526	6.443.218.209
2. Tại ngày 31/12/2016		2.732.257.731	2.001.337.354	1.129.962.110	96.658.526	5.960.215.721

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 1.131.895.762 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>02/02/2016</u>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
- Nhà làm việc cơ quan	964.667.950	156.137.341
Cộng	964.667.950	156.137.341

07. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2016</u>	<u>02/02/2016</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	-
<i>b. Dài hạn</i>	3.478.234.904	3.933.111.025
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	175.900.052	263.850.078
- Lợi thế kinh doanh	3.302.334.852	3.669.260.947
Cộng	3.478.234.904	3.933.111.025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		02/02/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
08. Phải trả người bán				
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt	33.876.193.402	33.876.193.402	28.903.153.003	28.903.153.003
- Công ty chế biến lâm sản Nghệ An	14.768.231.017	14.768.231.017	17.922.078.553	17.922.078.553
- Công ty Cổ phần Công trình 3	2.739.444.352	2.739.444.352	852.760.076	852.760.076
- Công ty TNHH Long Trang	2.369.724.860	2.369.724.860	416.140.500	416.140.500
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	1.984.810.072	1.984.810.072	1.635.014.879	1.635.014.879
<i>b. Phải trả người bán dài hạn</i>	12.013.983.101	12.013.983.101	8.077.158.995	8.077.158.995
Cộng	33.876.193.402	33.876.193.402	28.903.153.003	28.903.153.003
c. Phải trả người bán là các bên liên quan				
<i>Phải trả ngắn hạn</i>				
+ Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt	17.094.911.509	17.094.911.509	18.852.444.808	18.852.444.808
+ Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	14.768.231.017	14.768.231.017	17.922.078.553	17.922.078.553
+ Công ty CP Quản lý đường sắt Hà Hải	1.868.113.103	1.868.113.103	-	-
Phải trả dài hạn	8.407.000	8.407.000	33.628.469	33.628.469
Cộng	17.094.911.509	17.094.911.509	18.852.444.808	18.852.444.808

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Số phải thu tại ngày 02/02/2016	Số phải nộp tại ngày 02/02/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu ngày 31/12/2016	Số phải nộp ngày 31/12/2016
09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
- Thuế GTGT đầu ra	438.950.277	-	8.879.611.982	5.873.878.346	-	2.566.783.359
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	336.317.277	575.775.982	808.942.630	-	103.150.629
- Thuế thu nhập cá nhân	-	44.318.102	165.917.357	173.887.357	-	36.348.102
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	2.305.600.000	830.016.000	-	1.475.584.000
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	438.950.277	380.635.379	11.929.905.321	7.689.724.333	-	4.181.866.090
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác						
a. Ngắn hạn	31/12/2016		02/02/2016			
- Kinh phí công đoàn	8.742.893.072		22.118.421.829			
- Bảo hiểm xã hội	268.208.315		158.090.890			
- Bảo hiểm y tế	923.547.996		596.442.152			
- Bảo hiểm thất nghiệp	193.893.573		152.256.688			
- Phải trả về cổ phần hóa	110.621.252		-			
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.246.621.936		6.843.900.708			
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	6.791.534.670		14.367.731.391			
+ Vật tư thu hồi	-		10.645.985.623			
+ Chi phí thu hồi vật tư	-		342.541.665			
+ Cục thi hành án Đồng Nai	-		958.500.899			
+ Nguyễn Bình Thạnh (Đội Long Khánh)	-		1.842.894.637			
+ Hoàng Đông (Đội Biên Hòa)	49.446.022		-			
+ Lê Ngọc Hoàng (Đội Sài Gòn)	63.851.200		-			
+ Lê Quốc Hưng (Đội kiến trúc xây dựng)	56.222.397		-			
+ Phải trả khác	126.141.159		-			
	159.426.488		577.808.567			
b. Dài hạn	86.300.090		-			
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	86.300.000		-			
Cộng	8.829.193.072		22.118.421.829			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	hữu	sở				
Số dư tại 01/01/2015	13.090.586.541	-	-	2.974.824.981	3.901.070.018	19.966.481.540
Tăng vốn trong kỳ	649.090.402	-	9.073.153.904	-	-	9.722.244.306
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	2.330.613.520	2.330.613.520
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	(3.877.009.887)	-	-	(1.480.375.690)	-	(5.357.385.577)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(6.231.683.538)	(6.231.683.538)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 02/02/2016	9.862.667.056	-	9.073.153.904	1.494.449.291	-	20.430.270.251
Tăng vốn trong năm nay	10.587.332.944	-	-	-	-	10.587.332.944
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	2.122.723.301	2.122.723.301
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(9.073.153.904)	(1.494.449.291)	-	(10.567.603.195)
Số dư tại ngày 31/12/2016	20.450.000.000	-	-	-	2.122.723.301	22.572.723.301

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016		02/02/2016		Tỷ lệ	
	VND	%	VND	%		
- Vốn góp của Công ty mẹ (Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam)	10.429.500.000	51	9.862.667.056	100		100
- Vốn góp của các cổ đông khác	10.020.500.000	49	-	0		0
Cộng	20.450.000.000	100	9.862.667.056	100		100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	9.862.667.056	13.090.586.541
+ Vốn góp tăng trong năm	10.587.332.944	649.090.402
+ Vốn góp giảm trong năm	-	3.877.009.887
+ Vốn góp cuối năm	20.450.000.000	9.862.667.056
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.231.683.538
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	3.901.070.018
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	2.330.613.520

d. Cổ phiếu

	31/12/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.045.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.045.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.045.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.045.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.045.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

f. Các quỹ của Công ty

	31/12/2016	02/02/2016
- Quỹ đầu tư phát triển	-	1.494.449.291
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	-	1.494.449.291

12. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2016
Vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Đơn vị tính: VND*

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	120.041.944.269	121.147.824.605
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ hoạt động công ích	109.270.930.343	104.525.104.545
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	10.771.013.926	16.622.720.060
Cộng	120.041.944.269	121.147.824.605

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	109.270.930.343	104.525.104.545
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	891.195.454	-
Cộng	110.162.125.797	104.525.104.545

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	96.540.265.087	95.616.598.494
+ Giá vốn dịch vụ hoạt động công ích	86.219.973.481	79.661.726.228
+ Giá vốn dịch vụ khác	10.320.291.606	15.954.872.266
Cộng	96.540.265.087	95.616.598.494

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	740.720.115	760.991.832
Cộng	740.720.115	760.991.832

04. Chi phí khác

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
- Chi phí bồi thường tai nạn	61.493.478	1.892.894.637
- Các khoản bị phạt hành chính	180.380.627	-
- Các khoản khác	39.362.406	93.596.272
Cộng	281.236.511	1.986.490.909

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
- Chi phí nhân viên quản lý	7.101.914.481	8.410.746.360
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.114.929.557	512.320.330
- Chi phí khấu hao TSCĐ	905.162.425	170.613.264
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.965.991.739	4.495.849.035
- Chi phí khác	10.204.605.001	7.734.593.081
Cộng	21.292.603.203	21.324.122.070

06. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	575.775.982	650.991.444
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	575.775.982	650.991.444

(*) Chi tiết cách xác định chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.698.499.283
Các khoản điều chỉnh tăng	180.380.627
<i>Chi phí phạt hành vi phạm hành chính</i>	180.380.627
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	2.878.879.910
Thuế suất thuế TNDN	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	575.775.982

07. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.122.723.301
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.122.723.301
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.045.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.038

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016.

Đơn vị tính: VND

08. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.122.723.301
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.122.723.301
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.045.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.038

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016.

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.498.443.886	25.654.519.543
- Chi phí nhân công	54.135.193.659	66.504.156.971
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.780.820.670	1.741.712.591
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.389.056.950	9.209.286.611
- Chi phí khác bằng tiền	18.327.309.438	11.344.127.109
- Chi phí dự phòng	-	-
Cộng	118.130.824.603	114.453.802.825

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
Tiền lương	1.768.787.131	2.339.939.731
Cộng	1.768.787.131	2.339.939.731

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt	Công ty liên kết Tổng công ty đường sắt Việt Nam

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 02/02/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 02/02/2016
Tổng công ty đường sắt Việt Nam		
Kinh phí quản lý	2.063.767.195	1.754.202.608
Lãi vay dự án	133.211.649	77.907.341
Cho thuê máy	1.114.559.234	-
Giảm vốn chủ sở hữu	-	1.480.375.690
Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt		
Mua vật tư	-	14.163.794.976
Công ty CP Đường sắt Hà Hải		
Mua dịch vụ	7.642.727	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại các mục V.02 và V.08, còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	31/12/2016	02/02/2016
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam		
Phải trả khác	6.791.534.670	10.645.985.623
Cộng nợ phải trả	6.791.534.670	10.645.985.623

03. Thông tin về bộ phận**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là quản lý, bảo trì hệ thống đường sắt.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	Dự phòng	02/02/2016	Dự phòng
	Giá trị ghi sổ		Giá trị ghi sổ	
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.794.339.372	-	41.386.317.800	-
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.583.548.293	-	17.918.587.406	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	60.377.887.665	-	59.304.905.206	-
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	02/02/2016	31/12/2016	02/02/2016
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	33.876.193.402	28.903.153.003	33.876.193.402	28.903.153.003
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	7.332.921.936	14.367.731.391	7.332.921.936	14.367.731.391
Cộng	41.209.115.338	43.270.884.394	41.209.115.338	43.270.884.394

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	33.876.193.402	-		33.876.193.402
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-		-
Các khoản phải trả khác	7.246.621.936	86.300.000		7.332.921.936
Cộng	41.122.815.338	86.300.000	-	41.209.115.338
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	28.903.153.003	-		28.903.153.003
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-		-
Các khoản phải trả khác	14.367.731.391	-		14.367.731.391
Cộng	43.270.884.394	-	-	43.270.884.394

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 02 tháng 02 năm 2016 của Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Sài Gòn (nay là Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn) đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Trần Văn Lâm

Kế toán trưởng

Lê Nghĩa Trung

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2017

Giám đốc



Trần Hữu Chiến